

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HS-ST
Ngày: 26 - 11 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với:

- **Bị cáo:** Bùi Hoài N, sinh năm 1979 tại huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú và ĐKKHTT: Thôn TT, xã SP, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Bùi Văn H, con bà Nguyễn Thị Phương Th (đã chết); vợ, con chưa có; tiền án: Có 01 tiền án. Bản án số 01/2013/HSST ngày 09/01/2013, Tòa án nhân dân huyện ĐP xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt ngày 10/10/2018); tiền sự: Ngày 02/01/2020, bị UBND xã SP, huyện ĐP ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng từ 02/01/2020 đến 02/4/2020; nhân thân: Ngày 25/10/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 09/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện ĐP xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt ngày 02/01/2010); danh bản, chỉ bản số 333 do Công an huyện ĐP lập ngày 25/8/2020; tạm giữ, tạm giam: Không; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1988; Địa chỉ: 143/300 Nguyễn Chính, phường TL, quận HM, Thành phố Hà Nội. có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án*: Anh Hoàng Trọng T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đội 8, xã TX, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Thanh L và Bùi Hoài N có quan hệ tình cảm với nhau. Chị L đã nhờ N mua điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max để sử dụng. Khi nhờ N mua điện thoại, L nói với N L chỉ có 20 triệu đồng thì N bảo L “cứ về ĐP, thiếu đâu anh cho thêm”. Sáng ngày 09/02/2020, N đến cửa sửa chữa điện thoại Lan Tài của anh Hoàng Trọng T để hỏi mua điện thoại Iphone 11 Pro Max 64GB, anh T báo giá 29 triệu đồng, N đã đặt cọc cho anh T một triệu đồng bằng tiền của N. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 09/02/2020, N cùng chị L đến cửa hàng của anh T, tại đây L đưa cho anh T 20 triệu đồng tiền của L. N cầm cố một chiếc điện thoại Iphone 7plus của L đưa cho N được 7 triệu đồng và N cho thêm L 3 triệu đồng nữa để trả tiền mua điện thoại của anh T.

Ngày 17/03/2020, khi chị L đang dùng chiếc điện thoại Iphone nói trên thì màn hình không sáng nên L hẹn N ra quán cà phê Q5 ở khu Địa Đàng, xã SP và nhờ N mang điện thoại đi sửa. Do điện thoại vẫn còn bảo hành nên N mang chiếc điện thoại đến quán của anh T để sửa. Khi anh T kiểm tra điện thoại thì thấy màn hình điện thoại vẫn bật sáng, sử dụng bình thường không phải sửa chữa, thay thế gì. Do cần tiền để chi tiêu cá nhân và sử dụng ma túy nên N đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc điện thoại của chị L để lấy tiền. N đã cầm cố chiếc điện thoại trên cho anh T được 21 triệu đồng. Sau đó, N mua lại của anh T một chiếc điện thoại Iphone 8 Plus với giá 8.300.000 đồng. Khi quay lại quán cà phê Q5 gặp chị L, N không nói cho chị L biết việc mình đã cầm cố điện thoại mà bảo với chị L “điện thoại của em hỏng phải sửa chữa vài ngày” rồi đưa cho chị L chiếc điện thoại Iphone 8 Plus vừa mua dùng tạm trong mấy ngày chờ sửa điện thoại mục đích là để chị L không nghi ngờ gì. Đến ngày hẹn lấy điện thoại, chị L nhắc N thì N thừa nhận với chị L đã cầm cố chiếc điện thoại của chị L, N hứa sẽ chuộc lại điện thoại cho chị L hoặc mua trả điện thoại khác tương đương với chiếc điện thoại N đã cầm. Ngày 23/3/2020, N nói với chị L chiếc điện thoại Iphone 8 Plus là của anh T, phải trả lại anh T. Sau đó, N mang chiếc điện thoại này đến bán lại cho anh T với giá 8.000.000 đồng, đồng thời thông báo với anh T là N không chuộc lại chiếc điện thoại đã cầm cố trước đó. N tiếp tục mua của anh T một chiếc điện thoại Iphone 6S đã qua sử dụng với giá 2.300.000 đồng để đưa cho chị L sử dụng. Sau nhiều lần liên lạc để đòi N điện thoại nhưng không được nên chị L đã trình báo cơ quan công an.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Hoài N đã khai nhận rõ hành vi của mình. N khai sau khi bị chị L phát hiện việc N cầm cố điện thoại, để chị L yên tâm nên N có hứa sau mấy

ngày sẽ chuộc lại điện thoại cho chị L hoặc sẽ mua trả cho chị L chiếc điện thoại khác có giá trị tương đương nhưng trên thực tế N nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, không có thu nhập nên không có khả năng chuộc lại hoặc mua điện thoại khác trả cho chị L. Toàn bộ số tiền 12.700.000 đồng do cầm cố điện thoại và số tiền 4.700.000 đồng do bán điện thoại N đã chi tiêu cá nhân và mua ma túy để sử dụng hết.

Cơ quan điều tra Công an huyện ĐP đã yêu cầu định giá để xác định giá trị của chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max mà N đã bán. Tại Kết luận định giá tài sản số 39/KL- HĐ ngày 19/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐP đã kết luận: một chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, màu xanh tím 64GB đã qua sử dụng có giá trị 28.800.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 95/CT- VKS- ĐP ngày 27 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội truy tố Bùi Hoài N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Bị cáo Bùi Hoài N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo khai bản thân nghiện ma túy, do cần tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy để sử dụng nên khi mang điện thoại của chị L đi sửa, thấy không bị hỏng gì N liền nảy sinh ý cầm cố ít ngày để lấy tiền chi tiêu và mua ma túy sử dụng. Tuy nhiên, do bản thân không có việc làm, không có thu nhập nên bị cáo không có khả năng chuộc lại điện thoại để trả cho chị L nên đã liên tục nói dối chị L để kéo dài thời gian. Bị cáo cho rằng vì mối quan hệ tình cảm giữa bị cáo và chị L nên chị L sẽ không đi tố giác bị cáo. Hiện nay, bị cáo cũng chưa có việc làm nên vẫn chưa trả được tiền cho chị L. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo. Về chiếc điện thoại Iphone 6S N đưa cho chị N ngày 23/3/2020 để dùng tạm N đề nghị đối trừ 2.000.000 đồng với giá trị chiếc điện thoại mà N đã cầm cố của chị L.

Chị Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu bị cáo N bồi thường cho chị giá trị chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max theo là 28.800.000 đồng. Về chiếc điện thoại Iphone 6S N đưa cho chị vào ngày 23/3/2020, N khai là mua hết 2.300.000 đồng nhưng nay chị đã bán cho người khác nên chị đồng ý đối trừ cho bị cáo N 2.000.000 đồng và chỉ yêu cầu N phải bồi thường số tiền 26.800.000 đồng. Chị L cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố bị cáo Bùi Hoài N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù; Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo bồi thường cho chị L số tiền 26.800.000 đồng theo yêu cầu của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án xảy ra tại địa bàn huyện ĐP, Thành phố Hà Nội nên thẩm quyền khởi tố điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tố tụng của huyện ĐP, Thành phố Hà

Nội. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP đã thực hiện trình tự tố tụng, nội dung và các căn cứ để ban hành các văn bản và quyết định tố tụng đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Hoài N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Bùi Hoài N và chị Nguyễn Thị Thanh L có mối quan hệ tình cảm với nhau. Ngày 09/02/2020, N và chị L cùng nhau đến quán sửa chữa điện thoại của anh Hoàng Trọng T ở đội 8, xã TX, huyện ĐP để chị L mua một chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max với giá 29.000.000 đồng. Ngày 17/3/2020, chị L sử dụng điện thoại thấy màn hình không sáng nên hẹn N đến quán cà phê Q5 thuộc khu Địa Đưng, xã SP, huyện ĐP và nhờ N mang điện thoại đi sửa. N mang điện thoại của chị L đến quán của anh T để bảo hành. Khi anh T kiểm tra, thấy điện thoại vẫn hoạt động bình thường, N liền nảy sinh ý định cầm cố chiếc điện thoại của chị L cho anh T để lấy tiền chi tiêu. N cầm cố chiếc điện thoại lấy 21 triệu đồng và nói dối với chị L là điện thoại hỏng phải sửa mấy hôm. Để chị L tin tưởng, N đã đưa cho chị L sử dụng một chiếc điện thoại Iphone 8 Plus mua của anh T với giá 8.300.000 đồng bằng tiền N cầm cố điện thoại của chị L. Số tiền 12.700.000 đồng còn lại N mua ma túy để sử dụng và chi tiêu cá nhân hết. Sau khi bị chị L phát hiện việc N cầm cố điện thoại, một mặt N hứa hẹn sẽ chuộc lại điện thoại trả chị L một mặt N vẫn tiếp tục nói dối chị L để lấy lại chiếc Iphone 8 Plus đem bán cho anh T được 8.000.000 đồng. Số tiền này N sử dụng 2.300.000 đồng để mua một chiếc điện thoại Iphone 6S cũ đưa cho chị L dùng tạm trong khi chờ N chuộc lại điện thoại, còn 4.700.000 đồng N tiếp tục sử dụng mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân khác hết. Do không có việc làm và nghiện ma túy nên N không có khả năng chuộc lại điện thoại trả cho chị L. Chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max của chị L được Hội đồng định giá xác định có giá trị 28.800.000 đồng.

[3] Bùi Hoài N được chị L tin tưởng giao cho điện thoại nhờ mang đi sửa, sau khi kiểm tra, không phải sửa gì N đã không mang trả lại cho chị L mà đem cầm cố sau đó bán hẳn cho anh T lấy tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại cho chị L. Hành vi như nêu trên của Bùi Hoài N đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, qui định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được Nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng do ham chơi, lười lao động lại muốn có tiền để sử dụng cho bản thân nên vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo có nhân thân

xấu, nghiện ma túy, nhiều lần bị Tòa án xét xử phạt tù về các tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, Trộm cắp tài sản và bị UBND xã áp dụng biện pháp giáo dục tại xã nhưng bị cáo không có ý thức rèn luyện bản thân từ bỏ ma túy để trở thành người có ích. Do đó, cần phải áp dụng đối với bị cáo một hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe tội phạm nói chung.

[5] Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Ngày 09/01/2013, bị cáo bị xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 10/10/2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt, do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, bị hại cũng xin giảm nhẹ cho bị cáo là các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính còn quy định hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo nghiện ma túy, không có việc làm, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị L yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại là 28.800.000 đồng, chị L đồng ý trừ số tiền 2.000.000 đồng của chiếc điện thoại Iphone 6S bị cáo đưa cho chị dùng nên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị L số tiền còn thiếu là 26.800.000 đồng.

[8] Đối với Hoàng Trọng T nhận cầm cố điện thoại của N nhưng không biết là việc N phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Hoài N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Căn cứ Điều 584, 589 Bộ luật dân sự: Buộc Bùi Hoài N phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh L số tiền 26.800.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.340.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ĐP;
- CQTHAHS huyện ĐP;
- CCTHADS huyện ĐP;
- Các bị cáo; bị hại, NLQ.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

